SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN TÂM THẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh phúc

Số 746/BVTT-KHTH
V/v thông báo danh mục kỹ thuật thực hiện tại đơn vị

Nghệ An, ngày 25 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: Các khoa, phòng.

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1199/QĐ-SYT.NVY ngày 01/12/2014 của Sở Y tế Nghệ An về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nghệ An; Quyết định số 392/QĐ-SYT.NVY ngày 02/4/2015 của Sở Y tế Nghệ An về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nghệ An; Quyết định số 549/QĐ-SYT ngày 15/6/2016 của Sở Y tế Nghệ An về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện Tâm thần Nghệ An.

Căn cứ vào điều kiện thực tế áp dụng các danh mục tại đơn vị, Bệnh viện Tâm thần Nghệ An thông báo các kỹ thuật đang triển khai thực hiện tại Bệnh viện để các khoa phòng được biết (Có danh mục kèm theo).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT-KHTH.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN TÂM THẦN

Nguyễn Đức Toàn

DANH MỤC PHÂN TUYẾN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN NGHỆ AN

(Kèm theo Công văn số 746/BVTT-KHTH ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bệnh viện Tâm thần Nghệ An)

NHÓM 1: CÁC KỸ THUẬT THEO ĐÚNG PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT CỦA BỆNH VIỆN

I. NỘI KHOA

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. THẦN KINH				
1	140	Điều trị trạng thái động kinh	x	x		
2	146	Ghi điện não giấc ngủ	x	x		
3	156	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	x	x		
		B. CƠ XƯƠNG KHỚP				
4	373	Siêu âm khớp (một vị trí)	x	x		
5	374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	x	x		

II. NHI KHOA (Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. THẦN KINH				
6	138	Điện não đồ thường quy	x	x		
		II. TÂM THẦN				
7	231	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	x	x		
8	232	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	x	x		
9	256	Đo lưu huyết não	x	x		
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
10	273	Mai hoa châm	x	x		
11	274	Kéo nắn cột sống cổ	x	x		
12	275	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x		
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
13	1	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x		
14	9	Điều trị bằng sóng xung kích	x	x		

15	708	Siêu âm điều trị	x	x		
16	714	Kéo cột sống bằng máy	x	x		
17	743	Xoa bóp bằng máy	x	x		
18	744	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy	x	x		
19	745	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy	x	x		
		B. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
20	2379	Test lẩy da với các dị nguyên	x	x		

III. TÂM THẦN

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ				
21	1	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)	x	x		
22	2	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton	x	x		
23	3	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)	x	x		
24	7	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)	x	x		
25	8	Thang đánh giá hưng cảm Young	x	x		
26	9	Thang đánh giá lo âu - zung	x	x		
27	10	Thang đánh giá lo âu - Hamilton	x	x		
28	12	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	x	x		
29	13	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	x	x		
30	18	Trắc nghiệm RAVEN	x	x		
31	19	Trắc nghiệm WAIS	x	x		
32	20	Trắc nghiệm WICS	x	x		
33	26	Thang đánh giá nhân cách (MMPI)	x	x		
		B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
34	38	Đo điện não vi tính	x	x		
35	40	Đo lưu huyết não	x	x		
		C. CÁC KỸ THUẬT ĐIỀU TRỊ				
36	41	Kích thích từ xuyên sọ	x	x		
37	42	Sốc điện thông thường	x	x		
		D. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC				
38	63	Xử trí trạng thái động kinh	x	x		
39	65	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính	x	x		
40	72	Xử trí trạng thái sảng rượu	x	x		
		E. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY				
41	81	Điều trị hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện bằng Clonidine	x	x		
42	82	Điều trị nghiện chất dạng Amphetamine	x	x		
43	83	Điều trị nghiện rượu	x	x		

IV. ĐIỆN QUANG

	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
44	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
45	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
		2. Siêu âm vùng ngực				
46	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
		3. Siêu âm cơ xương khớp				
47	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)	x	x		
48	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)	x	x		
		4. Siêu âm tim. Mạch máu				
49	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		

V. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. TIM, MẠCH				
50	9	Đo lưu huyết não	x	x		
		B. THẦN KINH, TÂM THẦN				
51	37	Ghi điện não đồ vi tính	x	x		

VI. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		TRUYỀN MÁU				
52	458	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	x	x		

NHÓM 2: CÁC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÂN CHO TUYẾN TRÊN

I. NHI KHOA (Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		I. TÂM THẦN				
1	228	Trắc nghiệm tâm lý MMPI	x			
		II. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
2	701	Laser nội mạch	x			

NHÓM 3: CÁC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÂN CHO TUYẾN DƯỚI

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

TT	TT theo TT 43/2013/ BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. HÔ HẤP				
1	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
2	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
3	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
4	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
5	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		B. THẬN - LỌC MÁU				
6	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
		C. THẦN KINH				
7	201	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
		D. TIÊU HOÁ				
8	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
9	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
10	221	Thụt tháo	x	x	x	x
11	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
12	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x
13	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
14	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
15	249	Giải stress cho người bệnh	x	x	x	
16	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
17	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
18	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
19	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
20	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
21	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	x	x	x
22	272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
23	274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x	
24	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
25	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x

26	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
27	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	
		F. XÉT NGHIỆM				
28	284	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x

II. NỘI KHOA

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. HÔ HẤP				
29	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
30	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
		B. THẦN KINH				
31	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
32	129	Chọc dò dịch não tuỷ	x	x	x	
33	145	Ghi điện não thường quy	x	x	x	
34	149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x	
35	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
36	151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	
37	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x	
		C. THẬN TIẾT NIỆU				
38	188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
39	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
		D. TIÊU HÓA				
40	244	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
41	247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
42	313	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
43	314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x
44	339	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
45	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x	

III. NHI KHOA (Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				

46	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
47	96	Mở khí quản qua da cấp cứu	x	x	x	
48	105	Thổi ngạt	x	x	x	x
49	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
50	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
51	111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	x	x	x	x
52	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
		C. THẬN – LỌC MÁU				
53	132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
54	133	Thông tiểu	x	x	x	x
		D. THẦN KINH				
55	137	Xử trí tăng áp lực nội sọ	x	x	x	
56	149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	x	x	x	
57	151	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
		E. TIÊU HÓA				
58	167	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	
59	168	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	
60	172	Cho ăn qua ống thông dạ dày	x	x	x	
61	179	Thụt tháo phân	x	x	x	x
62	180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
		F. TOÀN THÂN				
63	196	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
64	199	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
65	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
66	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
67	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x
68	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
69	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	x
70	208	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x
71	210	Tiêm truyền thuốc	x	x	x	x
		II. TÂM THẦN				
72	237	Trắc nghiệm tâm lý Beck	x	x	x	
73	238	Trắc nghiệm tâm lý Zung	x	x	x	
74	239	Trắc nghiệm tâm lý Raven	x	x	x	
75	240	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang Weschler)	x	x	x	
76	249	Trắc nghiệm tâm lý Hamilton	x	x	x	
77	256	Đo lưu huyết não	x	x		
78	257	Xử trí người bệnh kích động	x	x	x	
79	258	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính	x	x	x	
80	259	Xử trí người bệnh không ăn	x	x	x	
81	260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x	
82	264	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình	x	x	x	
83	265	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai các chất dạng thuốc phiện	x	x	x	

		bằng các thuốc hướng thần				
84	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	x	x	x
85	269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x
86	270	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	x	x	x	x
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
87	276	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	x	x	x	
88	282	Xông hơi thuốc	x	x	x	x
89	283	Xông khói thuốc	x	x	x	x
90	284	Sắc thuốc thang	x	x	x	x
91	285	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x	x	x	x
92	288	Chườm ngải	x	x	x	x
93	289	Hào châm	x	x	x	x
94	290	Nhĩ châm	x	x	x	x
95	291	Ôn châm	x	x	x	x
96	292	Chích lể	x	x	x	x
97	293	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
		B. ĐIỆN MÃNG CHÂM				
98	295	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
99	296	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
100	304	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
101	312	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	x	x	x	
102	317	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
103	320	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
104	322	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
105	323	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
106	342	Điện mãng châm điều trị đái dầm	x	x	x	
		C. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
107	358	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	
108	359	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
109	393	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
110	396	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
		D. ĐIỆN CHÂM				
111	462	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
112	470	Điện châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
113	471	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
114	473	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
115	476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
116	485	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x
117	488	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x
118	489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
119	492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
120	503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
121	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
122	513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x

123	517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	x
124	518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
125	521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
126	526	Điện châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
127	531	Điện châm điều trị chứng tic	x	x	x	x
		E. THUỶ CHÂM				
128	538	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x
129	549	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
130	550	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
131	551	Thuỷ châm điều trị stress	x	x	x	x
132	575	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
		F. XOA BÓP BẤM HUYỆT				
133	604	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
134	605	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
135	608	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
136	610	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x
137	611	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
138	612	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	x	x	x	x
139	614	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
140	615	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
141	616	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
142	621	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
143	622	Xoa búp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
144	624	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
145	625	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x
146	626	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	x	x	x	x
147	627	Xoa búp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
148	628	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
149	629	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
150	630	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
151	631	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x
152	635	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
153	636	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
154	637	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
155	638	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
156	639	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
157	640	Xoa búp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
158	642	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
159	646	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
160	647	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
161	648	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x
162	650	Xoa búp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
163	651	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
164	652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	x	x	x	x
165	654	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
166	657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x

167	658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
168	659	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
169	660	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	x	x	x	x
170	661	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
171	664	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
172	668	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	x
		G. CỨU				
173	671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x
174	675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x
175	676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
176	678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x
177	679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x
178	680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x
179	685	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
180	688	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x
181	692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hoá thể hàn	x	x	x	x
182	694	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x
183	695	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x
184	696	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
185	773	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
186	774	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	
187	780	Kỹ thuật kéo giãn	x	x	x	
188	796	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	x	x	x	
189	806	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
190	807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
191	808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
192	809	Chườm lạnh	x	x	x	x
193	810	Chườm ngải cứu	x	x	x	x
194	811	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
195	812	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
196	813	Xoa bóp	x	x	x	x
197	817	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	x	x	x	x
198	818	Sử dụng xe lăn	x	x	x	x
199	819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	x
200	820	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
201	822	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
202	861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	x	x	x	x
203	862	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh	x	x	x	x
204	886	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	x
205	887	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	x
206	888	Xoa bóp	X	X	X	X
207	889	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	x	x	x	x

208	890	Tập do cứng khớp	x	x	x	x
209	891	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người,liệt các chi,tổn thương hệ vận động	x	x	x	x
210	892	Tập do liệt thần kinh trung ương	x	x	x	x
211	893	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	x
212	894	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	x
213	895	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	x
214	896	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	x
215	900	Tập vận động cột sống	x	x	x	x
216	903	Tập vận động tại giường	x	x	x	x
		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP				
217	982	Xe đạp	x	x	x	
		IX. NỘI KHOA				
		A. TIÊU HÓA				
218	2357	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		B. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
219	2379	Test lẩy da với các dị nguyên	x	x		
220	2382	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	x	x	x	x
221	2383	Test nội bì	x	x	x	x
222	2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	x	x	x	x
		C. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
223	2387	Tiêm trong da	x	x	x	x
224	2388	Tiêm dưới da	x	x	x	x
225	2389	Tiêm bắp thịt	x	x	x	x
226	2390	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	x
227	2391	Truyền tĩnh mạch	x	x	x	x
		X. NGOẠI KHOA				
		B. TIM MẠCH – LỒNG NGỰC				
228	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x
229	3911	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	x

IV. TÂM THẦN

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC				
230	62	Xử trí trạng thái kích động	x	x	x	x
231	64	Xử trí trạng thái không ăn	x	x	x	
232	66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	x	x	x	
233	68	Cấp cứu tự sát	x	x	x	x
234	69	Xử trí hạ huyết áp tư thế	x	x	x	x
235	70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x	
236	71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x

		B. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY				
237	73	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	x	x	x	
238	77	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần	x	x	x	x

V. Y HỌC CỔ TRUYỀN

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
239	3	Mãng châm	x	x	x	
240	4	Nhĩ châm	x	x	x	x
241	5	Điện châm	x	x	x	x
242	6	Thủy châm	x	x	x	x
243	8	Ôn châm	x	x	x	x
244	9	Cứu	x	x	x	x
245	10	Chích lể	x	x	x	x
246	13	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x	
247	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x	
248	15	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	x	x	x	
249	28	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
		B. ĐIỆN MÃNG CHÂM				
250	126	Điện mãng châm điều trị đái dầm	x	x	x	
251	129	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
252	131	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
253	132	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
254	133	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
255	135	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	
256	140	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
257	141	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
258	142	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
		C. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
259	211	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
260	218	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
261	219	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	x	x	x	
262	220	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
		D. ĐIỆN CHÂM				
263	278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
264	279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
265	280	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
266	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x

267	296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
268	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x
269	298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
270	299	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
271	300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
272	301	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
273	307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
274	313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
275	314	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x
276	315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
277	316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x
278	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
279	320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	x
280	321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
		E. THUỶ CHÂM				
281	323	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
282	324	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
283	325	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
284	326	Thuỷ châm điều trị nấc	x	x	x	x
285	330	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
286	351	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
287	352	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	X	x	x	x
288	355	Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
289	356	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x
290	357	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x
291	359	Thuỷ châm điều trị đau dây V	x	x	x	
292	364	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
293	365	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
294	366	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	x	x	x	x
295	375	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
296	376	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
297	377	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
		F. XOA BÓP BẤM HUYỆT				
298	389	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
299	390	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
300	391	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
301	392	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng-hông	x	x	x	x
302	393	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
303	396	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x

304	397	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
305	398	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	x	x	x	x
306	400	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
307	401	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
308	402	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
309	406	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
310	407	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
311	408	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
312	409	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x
313	410	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
314	411	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
315	412	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
316	413	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
317	414	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
318	415	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x
319	419	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
320	420	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
321	421	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
322	422	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
323	423	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
324	424	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
325	425	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
326	428	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
327	429	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hoá khớp	x	x	x	x
328	430	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x
329	431	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
330	432	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
331	433	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
332	434	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
333	439	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x
334	440	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
335	441	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
336	442	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
337	443	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
338	446	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X
339	449	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	X
340	450	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	x	x	x	
		G. GIÁC HƠI	x	x	x	x
341	479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
342	480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x	x	x	x

343	481	Giác hơi điều trị các chứng đau	x	x	x	x
344	482	Giác hơi điều trị cảm cúm	x	x	x	x

VI. BỎNG

TT	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
		2	3			
			A	B	C	D
		A. ĐIỀU TRỊ BỎNG				
345	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x	x	x	x
346	80	Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng	x	x	x	x
347	81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x	x	x	x
348	82	Sơ cấp cứu bỏng acid	x	x	x	x
349	83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x	x	x	x

VII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
350	7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
351	8	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x	
352	11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
353	12	Điều trị bằng Laser công suất thấp	x	x		
354	16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
355	17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x
356	26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x	
		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
357	33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
358	34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
359	35	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
360	39	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
361	43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x
362	44	Tập đi với gậy	x	x	x	x
363	46	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	x	x	x	x
364	47	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x
365	52	Tập vận động thụ động	x	x	x	x

366	53	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
367	71	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
368	76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
369	95	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x
370	96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
371	100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí…)	x	x	x	x
372	102	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x
		D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
373	104	Tập nuốt	x	x	x	x
374	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh…)	x	x	x	x
375	109	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	x
376	111	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	x

VIII. ĐIỆN QUANG

	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
377	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
378	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
		2. Siêu âm ổ bụng				
379	15	Siêu âm ổ bung (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
380	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
381	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
382	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
383	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
384	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
385	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x
386	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
387	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	

388	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
389	74	Chụp Xquang hàm chếch một bên	x	x	x	
390	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
391	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
392	77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
393	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
394	79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
395	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
396	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
397	87	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên	x	x	x	
398	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
399	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
400	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
401	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên	x	x	x	x
402	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
403	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
404	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
405	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên	x	x	x	
406	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
407	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch	x	x	x	x
408	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
409	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
410	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
411	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
412	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
413	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
414	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
415	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
416	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
417	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
418	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
419	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
420	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
421	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
422	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
423	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
424	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x

425	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
426	118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	x	x		
427	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
428	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
429	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
430	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
431	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
432	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x

IX. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. TIM, MẠCH				
433	13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
434	14	Điện tim thường	x	x	x	x
		B. THẦN KINH, TÂM THẦN				
435	40	Ghi điện não đồ thông thường	x	x	x	

X. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
436	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
437	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
438	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
439	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
440	160	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x	x	
441	161	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang	x	x	x	
442	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	

XI. HÓA SINH

	TT theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. MÁU				
443	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
444	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
445	19	Đo hoạt độ ALT(GPT)	x	x	x	
446	20	Đo hoạt độ AST(GOT)	x	x	x	
447	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
448	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
449	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
450	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
451	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
452	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
453	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
454	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
455	166	Định lượng Urê	x	x	x	
		B. NƯỚC TIỂU				
456	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x
457	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	x	x	x	x

Phụ lục 1: Bảng phân tuyến kỹ thuật theo chuyên ngành

TT	Nội dung	Tổng số kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			Ghi chú
			TW	Tỉnh	Huyện, Xã	
1	Hồi sức cấp cứu và chống độc	28			28	
2	Nội khoa	22		5	17	
3	Nhi khoa	201	2	15	184	
4	Tâm thần	32		23	9	
5	Y học cổ tuyền	106			106	
6	Bỏng	5			5	
7	Phục hồi chức năng	27			27	
8	Điện quang	62		6	56	
9	Thăm dò chức năng	5		2	3	
10	Huyết học - Truyền máu	8		1	7	
11	Hóa sinh	15			15	
	Tổng cộng	**511**	**2**	**52**	**457**	

Phụ lục 2: Bảng tỷ lệ phân tuyến kỹ thuật

STT	PHÂN TUYẾN	SỐ LƯỢNG DMKT THỰC HIỆN	TỶ LỆ TỪNG NHÓM DMKT	SỐ LƯỢNG DMKT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	TỶ LỆ THỰC HIỆN/PHÊ DUYỆT
1	Tuyến trên	2	0,4 %	5	40%
2	Đúng tuyến	52	10,4 %	81	65,4%
3	Tuyến dưới	457	89,2 %	876	52,1%
TỔNG		**511**	**100 %**	**962**	

Phụ lục 3: Bảng tỷ lệ phân tuyến kỹ thuật chuyên ngành Tâm thần

STT	PHÂN TUYẾN	SỐ LƯỢNG DMKT THỰC HIỆN	SỐ LƯỢNG DMKT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	TỶ LỆ THỰC HIỆN/PHÊ DUYỆT
1	Tuyến trên	0	0	
2	Đúng tuyến	23	35	65,7%
3	Tuyến dưới	9	16	56,3%
TỔNG		**32**	**51**	**62,7%**